

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI 2026

(Cập nhật ngày 16/01)

Trường ĐH Thương mại vừa công bố phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2026.

Theo đó, năm 2026, Trường ĐH Thương mại tuyển sinh bằng 4 phương thức, gồm:

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT và quy định của trường.

Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Xét tuyển theo kết quả thi HSA/TSA/SAT/ACT, cụ thể:

+ Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức (điều kiện xét là điểm HSA từ 80 điểm trở lên).

+ Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội (điều kiện xét là điểm TSA từ 50 điểm trở lên).

+ Thí sinh có kết quả chứng chỉ SAT đạt từ 1000 điểm trở lên.

+ Thí sinh có kết quả chứng chỉ ACT đạt từ 20 điểm trở lên.

Xét tuyển kết hợp:

+ Xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký xét tuyển với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc kết quả học tập cấp THPT của thí sinh tốt nghiệp năm 2026.

+ Xét tuyển kết hợp giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố: Áp dụng đối với thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (cấp THPT) cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, kết hợp với kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
1	TM01	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	250	24
2	TM02	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10;		150	23.5

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
					X25; X26; X27; X28			
3	TM03	Quản trị kinh doanh (Khởi ngiệp và phát triển kinh doanh)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	23.2
4	TM04	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	23.5
5	TM05	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		100	23.2
6	TM06	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	80	23.1
7	TM07	Marketing (Marketing Thương mại)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	160	25.6
8	TM08	Marketing (Marketing thương mại)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		150	24.5
9	TM09	Marketing (Marketing số)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	25.9

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
10	TM10	Marketing (Quản trị Thương hiệu)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	25.1
11	TM11	Marketing (Quản trị thương hiệu)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		100	24.3
12	TM12	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	120	24
13	TM13	Kế toán (Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	22.2
14	TM14	Kế toán (Kế toán công)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	80	23.1
15	TM15	Kiểm toán (Kiểm toán)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	23.9
16	TM16	Kiểm toán (Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	22.2
17	TM17	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	120	26.2

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
		Quản lý chuỗi cung ứng)						
18	TM18	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Xuất nhập khẩu)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	24.9
19	TM19	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	160	25.1
20	TM20	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		140	24.5
21	TM21	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	120	24.9
22	TM22	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	170	23.2
23	TM23	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý đầu tư)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	23
24	TM24	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	120	24.3

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
25	TM25	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	23.5
26	TM26	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	80	23.3
27	TM27	Tài chính - Ngân hàng (Công nghệ tài chính ngân hàng)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	120	23.1
28	TM28	Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	170	26
29	TM29	Thương mại điện tử (Thương mại điện tử)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		120	24.8
30	TM30	Thương mại điện tử (Kinh doanh số)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	25.5
31	TM31	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	150	23.1
32	TM32	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10;		80	22.4

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
					X25; X26; X27; X28			
33	TM33	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	Chuẩn	100; 301; 409; 500	A01; D01; D07		250	24.3
34	TM34	Luật kinh tế (Luật kinh tế)	Chuẩn	100; 301; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	130	23.5
35	TM35	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	IPOP	100; 301; 409; 410; 500	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		110	23
36	TM36	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	Chuẩn	100; 301; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	110	23.2
37	TM37	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	150	23.8
38	TM38	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		130	23.1
39	TM39	Kinh tế số (Phân tích kinh doanh trong môi trường số)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	100	23.2
40	TM40	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	Chuẩn	100; 301; 409; 500	A01; D01; D04; D07		140	25.8

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
41	TM41	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	IPOP	100; 301; 409; 410; 500	D04		120	25.1
42	TM42	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D03; D07	Toán	50	21
43	TM43	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh) - Khởi nghiệp (Thành lập doanh nghiệp)	Song bằng quốc tế	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		40	21
44	TM44	Marketing (Marketing thương mại) - Thương mại sản phẩm và dịch vụ (Bán hàng)	Song bằng quốc tế	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		60	23.1
45	TM45	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	Tiên tiến	409, 410	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		50	23.1
46	TM46	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - Thương mại và phân phối	Song bằng quốc tế	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25;		40	Bắt đầu TS từ năm 2026

TT	Mã XT	Tên ngành (Chương trình đào tạo)	Loại CTĐT	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính	Chỉ tiêu	Điểm TT 2025 tính theo công thức 2026
					X26; X27; X28			
47	TM47	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB – Ngân hàng và tài chính	Song bằng quốc tế	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		40	Bắt đầu TS từ năm 2026
48	TM48	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		90	Bắt đầu TS từ năm 2026
49	TM49	Kinh tế số (Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		90	Bắt đầu TS từ năm 2026
50	TM50	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí)	IPOP	Tất cả PTXT	A01; D01; D07; D09; D10; X25; X26; X27; X28		80	Bắt đầu TS từ năm 2026
51	TM51	Khoa học máy tính (Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	Chuẩn	100; 301; 402; 409; 500	A00; A01; D01; D07	Toán	80	Bắt đầu TS từ năm 2026

Lưu ý:

- *) Ngành/Chương trình đào tạo có môn chính là Toán: Điểm xét tuyển = (Toán * 2 + điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển) * 3/4*
- *) Ngành/Chương trình đào tạo không có môn chính: Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển*
- *) IPOP: Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế*